BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất(*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			17						
14	LO4500	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1						1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					2
24	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					2
25	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					2
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**13**						
26	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					1
27	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		2
28	EC4010	Toán kinh tế	3	45					3
29	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30					4
30	EC4003	Luật kinh tế	2	30					3
II. Kiến thức cơ sở ngành			**21**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**18**						
31	EC4009	Quản trị học	3	45					1
32	EC4005	Marketing căn bản	3	45					1
33	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					2
34	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					2
35	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				3
36	LO4001	Nguyên lý cơ bản về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	45					3
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
37	EC4105	Kinh tế phát triển	3	45					4
38	IB4012	Dự báo kinh doanh	3	45					4
39	EC4242	Thanh toán quốc tế	3	45					4
40	EC4251	Kinh doanh quốc tế	3	45					4
III. Kiến thức chuyên ngành			**38**						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**29**						
41	EC4207	Hành vi tổ chức	3	45					4
42	EC4220	Marketing thương mại và dịch vụ	3	45			EC4005		5
43	LO4002	Quản trị thu mua	2	15	30				4
44	LO4003	Quản trị Logistics	3	30	30		EC4009		5
45	LO4004	Quản trị kho hàng	3	30	30				6
46	EC4146	Quản trị nhân lực	3	45			EC4009		5
47	LO4005	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	45					7
48	EC4147	Thương mại điện tử	3	45					6
49	LO4006	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	3	45			EC4009		6
50	LO4007	Quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng	3	45			EC4009		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**9**						
3.2.1. Nhóm 1 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
51	LO4010	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45					5
52	LO4011	Luật về vận tải	3	45					5
53	EC4112	Thuế	3	45					5
54	LO4012	Vận tải và bảo hiểm	3	45					5
3.2.2. Nhóm 2 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
55	LO4013	Nghiệp vụ hải quan	3	45					6
56	LO4014	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	45					6
57	LO4015	Quản lý và khai thác cảng	3	45					6
58	IB4026	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	45					6
3.2.3. Nhóm 3 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
59	LO4016	Quản trị kênh phân phối	3	45					7
60	IB4020	Quản trị đa văn hoá	3	45					7
61	LO4017	Quản trị vận tải đa phương thức	3	45					7
IV. Kiến thức bổ trợ			**9**						
62	EC4163	Ứng dụng phần mềm phân tích định lượng trong kinh tế	3	30	30		EC4008		4
63	EC4346	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	3	45					5
64	EC4281	Khởi nghiệp	3	45			EC4005		6
V. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**15**						
65	EC4226	Quản trị bán hàng	3	15	60				7
66	LO4402	Thực tế nghề nghiệp	3	15	60				6
67	LO4491N	Thực tập cơ sở	3		180				7
68	LO4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		240		LO4491N		8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
70	LO4297B	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
6.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
71	LO4008	Quản trị thông tin trong chuỗi cung ứng	3	45					8
72	LO4009	Thiết kế và vận hành chuỗi cung ứng	3	45					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			101						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			20						